

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp khăn ướt, đệm lót và tã dán các loại năm 2025-2027 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp khăn ướt, đệm lót và tã dán các loại năm 2025-2027
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 24 tháng
4. Loại hợp đồng: trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 16/5/2025.
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: CN Chu Thị Kim Lan Số điện thoại: 028 3952 5244

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M06-048-ctklan)(01).

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ**



Nguyễn Hữu Thịnh



Handwritten initials

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB ngày/...../.....)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật, mô tả sản phẩm	Đvt	Số lượng																																
1.	Khăn ướt	Nguyên liệu: Vải không dệt, nước tinh khiết, chất làm lạnh, chống mốc, hương liệu... Kích Thước: 195 mm x145 mm (±10mm) Quy cách: ≥ 100 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan: - Hình dáng miếng sản phẩm phẳng, cân đối, các đường cắt phẳng. - Khăn trắng, sạch, mùi hương dịu nhẹ, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. Các chỉ tiêu sản phẩm: <table><tr><th>Stt</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chất lượng</th></tr><tr><td>1</td><td>Độ PH trên mẫu thử</td><td>-</td><td>4-6</td></tr><tr><td>2</td><td>Tổng số vi khuẩn hiếu khí</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 1.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Tổng số nấm mốc</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 100</td></tr><tr><td>4</td><td>Enterobacteriaceae</td><td>Khuẩn lạc/g</td><td>≤ 10</td></tr><tr><td>5</td><td>S.aureus</td><td>/g</td><td>Không có</td></tr><tr><td>6</td><td>P.aeruginosa</td><td>/g</td><td>Không có</td></tr><tr><td>7</td><td>Candida albicans</td><td>/g</td><td>Không có</td></tr></table>	Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	1	Độ PH trên mẫu thử	-	4-6	2	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 1.000	3	Tổng số nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100	4	Enterobacteriaceae	Khuẩn lạc/g	≤ 10	5	S.aureus	/g	Không có	6	P.aeruginosa	/g	Không có	7	Candida albicans	/g	Không có	gói	15.123
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																																	
1	Độ PH trên mẫu thử	-	4-6																																	
2	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 1.000																																	
3	Tổng số nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																																	
4	Enterobacteriaceae	Khuẩn lạc/g	≤ 10																																	
5	S.aureus	/g	Không có																																	
6	P.aeruginosa	/g	Không có																																	
7	Candida albicans	/g	Không có																																	
2.	Tã dán người lớn	Nguyên liệu: Vải không dệt, bông cellulose, hạt siêu thấm/bột giấy, PE, PP, chun, polyme kết dính. Kích thước: 930 mm x 865 mm (±10mm) Quy cách: ≥ 20 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan: - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng dàn đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng và lõi bông. - Mối hàn chắc chắn, không bong hờ. - Các đường cắt đều, cân đối. - Không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm. <table><tr><th>Stt</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chất lượng</th></tr><tr><td>1</td><td>Khối lượng miếng</td><td>g</td><td>107,5 (±7 g)</td></tr><tr><td>2</td><td>Khả năng thấm hút</td><td>ml</td><td>≥ 1300</td></tr><tr><td>3</td><td>Thời gian thấm hút</td><td>s</td><td>≤ 40</td></tr><tr><td>4</td><td>Độ pH trên mẫu thử</td><td>-</td><td>6-8</td></tr><tr><td>5</td><td>Tổng số vi khuẩn hiếu khí</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 200</td></tr><tr><td>6</td><td>Tổng số nấm mốc</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 100</td></tr></table>	Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	1	Khối lượng miếng	g	107,5 (±7 g)	2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 1300	3	Thời gian thấm hút	s	≤ 40	4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8	5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200	6	Tổng số nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100	gói	8.906				
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																																	
1	Khối lượng miếng	g	107,5 (±7 g)																																	
2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 1300																																	
3	Thời gian thấm hút	s	≤ 40																																	
4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8																																	
5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																																	
6	Tổng số nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																																	

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật, mô tả sản phẩm	Đvt	Số lượng																								
3.	Tã dán sơ sinh	Nguyên liệu: Vải không dệt, bông cellulose, hạt siêu thấm, PE, PP, chun, polyme kết dính. Kích thước: Size XS 365 mm x 371 mm (±10mm) Khối lượng miếng: 17,6 gam (± 1,8 gam) Quy cách: ≥ 70 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan: - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng dàn đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng và lõi bông. - Mối hàn chắc chắn, không bong hờ. - Đường cắt đều, cân đối - Không bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm: <table><tr><th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chất lượng</th></tr><tr><td>1</td><td>Khả năng thấm hút</td><td>g</td><td>≥ 55</td></tr><tr><td>3</td><td>Thời gian thấm hút</td><td>s</td><td>≤ 8</td></tr><tr><td>2</td><td>Độ pH trên mẫu thử</td><td>-</td><td>6,5-7,5</td></tr><tr><td>3</td><td>Tổng số vi khuẩn hiếu khí</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 200</td></tr><tr><td>4</td><td>Tổng số nấm men, nấm mốc</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 100</td></tr></table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	1	Khả năng thấm hút	g	≥ 55	3	Thời gian thấm hút	s	≤ 8	2	Độ pH trên mẫu thử	-	6,5-7,5	3	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200	4	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100	gói	1.515
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																									
1	Khả năng thấm hút	g	≥ 55																									
3	Thời gian thấm hút	s	≤ 8																									
2	Độ pH trên mẫu thử	-	6,5-7,5																									
3	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																									
4	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																									
4.	Tã dán trẻ em	Nguyên liệu: Vải không dệt, bông cellulose, hạt siêu thấm, PE, PP, chun, polyme kết dính. Kích thước: Size L (470 mm x 401 mm) (± 10 mm); size XL (510 mm x 401 mm) (± 10 mm); Size XXL (525 mm x 401 mm) (± 10 mm). Khối lượng Size L: 29,4 gam (± 3 gam) Size XL: 31,5 gam (± 3 gam) Size XXL: 34,5 gam (± 3 gam) Quy cách: Size L ≥ 68 miếng/ gói; Size XL ≥ 62 miếng/ gói; Size XXL ≥ 56 miếng/gói. Yêu cầu ngoại quan: - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng dàn đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng và lõi bông. - Mối hàn chắc chắn, không bong hờ. - Đường cắt đều, cân đối - Không bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm: <table><tr><th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chất lượng</th></tr></table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	gói	391																				
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																									

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật, mô tả sản phẩm				Đvt	Số lượng																												
		1	Khả năng thấm hút	g	≥ 220 (L), ≥ 260 (XL), ≥ 310 (XXL)																														
		2	Thời gian thấm hút	s	≤ 17 (L), ≤ 20 (XL), ≤ 20 (XXL)																														
		3	Độ pH trên mẫu thử	-	6,5 – 7,5																														
		4	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																														
		5	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																														
5.	Tấm đệm lót	Nguyên liệu: Vải không dệt, hạt siêu thấm, bông cellulose, PE, giấy, giấy tráng silicon, polyme kết dính, Chất kháng khuẩn, nano bạc. Kích thước: 720 mm x 420 mm (± 10mm) Quy cách: ≥ 20 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan: - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng dần đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng và lõi bông. - Mối hàn chắc chắn, không bong hờ. - Các đường cắt đều cân đối. - Không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm: <table><tr><th>Stt</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức chất lượng</th></tr><tr><td>1</td><td>Khối lượng miếng</td><td>g</td><td>69,0 (± 10%)</td></tr><tr><td>2</td><td>Khả năng thấm hút</td><td>ml</td><td>≥ 660</td></tr><tr><td>3</td><td>Thời gian thấm hút</td><td>S</td><td>≤ 50</td></tr><tr><td>4</td><td>Độ pH trên mẫu thử</td><td>-</td><td>6-8</td></tr><tr><td>5</td><td>Tổng số vi khuẩn hiếu khí</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 200</td></tr><tr><td>6</td><td>Tổng số nấm men, nấm mốc</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 100</td></tr></table>				Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	1	Khối lượng miếng	g	69,0 (± 10%)	2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 660	3	Thời gian thấm hút	S	≤ 50	4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8	5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200	6	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100	gói	8.879
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																																
1	Khối lượng miếng	g	69,0 (± 10%)																																
2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 660																																
3	Thời gian thấm hút	S	≤ 50																																
4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8																																
5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																																
6	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																																
6.	Băng vệ sinh dùng cho sản phụ sau sinh	Nguyên liệu: Vải không dệt, hạt siêu thấm; bông cellulose, PE, chun, giấy tráng silicon, polyme kết dính Kích thước: 445 mm x 175 mm (± 5 mm) Quy cách: ≥ 12 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan. - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng dần đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối. - Mối hàn chắc chắn, không bong hờ. - Sản phẩm sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm:				gói	15.827																												

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật, mô tả sản phẩm				Đvt	Số lượng																												
		Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																														
		1	Khối lượng miếng	g	22,4 (± 10%)																														
		2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 240																														
		3	Thời gian thấm hút	S	≤ 7																														
		4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8																														
		5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																														
		6	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																														
7.	Băng vệ sinh có cánh	Nguyên liệu: Vải không dệt, hạt siêu thấm; bông cellulose, PE, chun, giấy tráng silicon, polyme kết dính Kích thước: 230 mm x 150 mm (±5 mm) Quy cách: ≥ 20 miếng/ gói Yêu cầu ngoại quan. - Sản phẩm sạch, bột giấy trắng đều suốt chiều dài sản phẩm. - Hình dáng miếng sản phẩm cân đối. - Mối hàn chắc chắn, không bong hở. - Sản phẩm sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. - Lớp màng kết dính tốt với lõi bông. Các chỉ tiêu sản phẩm: <table><tr><td>Stt</td><td>Tên chỉ tiêu</td><td>Đơn vị tính</td><td>Mức chất lượng</td></tr><tr><td>1</td><td>Khối lượng miếng</td><td>g</td><td>6,4 (±10%)</td></tr><tr><td>2</td><td>Khả năng thấm hút</td><td>ml</td><td>≥ 30</td></tr><tr><td>3</td><td>Thời gian thấm hút</td><td>s</td><td>≤ 5</td></tr><tr><td>4</td><td>Độ pH trên mẫu thử</td><td>-</td><td>6-8</td></tr><tr><td>5</td><td>Tổng số vi khuẩn hiếu khí</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 200</td></tr><tr><td>6</td><td>Tổng số nấm men, nấm mốc</td><td>Khuẩn lạc/ g</td><td>≤ 100</td></tr></table>				Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng	1	Khối lượng miếng	g	6,4 (±10%)	2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 30	3	Thời gian thấm hút	s	≤ 5	4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8	5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200	6	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100	gói	160
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng																																
1	Khối lượng miếng	g	6,4 (±10%)																																
2	Khả năng thấm hút	ml	≥ 30																																
3	Thời gian thấm hút	s	≤ 5																																
4	Độ pH trên mẫu thử	-	6-8																																
5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Khuẩn lạc/ g	≤ 200																																
6	Tổng số nấm men, nấm mốc	Khuẩn lạc/ g	≤ 100																																